

Số: 1726 /ĐHĐN-ĐT

V/v quy định tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
và xét tuyển thẳng vào ĐHĐN năm 2016

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2016

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 2 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy; căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng và Công văn số 1062/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2016, Đại học Đà Nẵng quy định cụ thể về việc tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng hệ chính quy vào các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc (gọi tắt là đơn vị thành viên của Đại học Đà Nẵng) năm 2016 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN THẮNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN:

1. Đối tượng tuyển thẳng

Đối tượng được tuyển thẳng vào các đơn vị thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng được quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

2.1. Đối tượng ưu tiên xét tuyển vào đại học, cao đẳng được quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức và đã tốt nghiệp trung học nhưng không đăng ký xét tuyển thẳng, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia, có kết quả thi đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định và không có môn nào bị điểm 1, Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng sẽ xem xét, quyết định cho vào học đại học hoặc cao đẳng (nếu có nguyện vọng) theo ngành hoặc chuyên ngành thí sinh đăng ký dự thi;

2.2. Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành, có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm liên tục và tốt nghiệp trung học tại các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ có kết quả thi (tổng điểm 3 môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển) thấp hơn tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định 1,0 điểm được xét tuyển vào Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 học kỳ trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum quy định.

3. Đối tượng xét tuyển thẳng

3.1. Đối tượng xét tuyển thẳng vào các trường đại học, cao đẳng thuộc Đại học Đà Nẵng được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành, trong đó:

- Các thí sinh tốt nghiệp THPT loại khá trở lên được xét tuyển thẳng vào các trường đại học, cao đẳng hoặc khoa trực thuộc Đại học Đà Nẵng. Nếu số thí sinh đăng ký vượt quá chỉ



tiêu thi Đại học Đà Nẵng sẽ căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT để xét từ trên xuống đến khi đủ chỉ tiêu, những thí sinh còn lại nếu có nguyện vọng thì được xét về học tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum.

- Các thí sinh tốt nghiệp loại trung bình được xét tuyển thẳng vào Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum.

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc Đại học Đà Nẵng qui định.

3.2. Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng (quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 7) của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

II. SỐ LƯỢNG TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TUYỂN

Tổng chỉ tiêu dành cho thí sinh được tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển thẳng vào các đơn vị thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng là 200 và không vượt quá 10% chỉ tiêu của từng ngành (Danh mục các ngành tuyển thẳng xem tại các phụ lục 4,5 và 6).

Chỉ tiêu tuyển thẳng vào trường ở các ngành mới do trường công bố (Phụ lục 5) không được vượt quá 25% của tổng số thí sinh được tuyển thẳng năm 2016.

III. HỒ SƠ, THỜI GIAN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng

Thí sinh đăng ký tuyển thẳng quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh làm một bộ hồ sơ gửi về sở GD&ĐT trước ngày 20/5/2016. Thí sinh có thể đăng ký tuyển thẳng vào tối đa 2 trường. Sau khi có thông báo của trường, thí sinh được tuyển thẳng phải nộp bản chính các giấy chứng nhận quy định tại Điểm b dưới đây cho trường có nguyện vọng nhập học trước ngày 10 tháng 8 năm 2016 (tính ngày theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh). Quá thời hạn này thí sinh không nộp các giấy tờ qui định vừa nêu xem như từ chối nhập học.

Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng gồm:

a) Phiếu đăng ký tuyển thẳng (Phụ lục 1);

b) Bản sao hợp lệ: chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GD&ĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia và Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

c) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Sở GD&ĐT gửi toàn bộ hồ sơ của thí sinh về Đại học Đà Nẵng trước ngày 30/5/2016, nơi nhận: Ban Đào tạo Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn - TP Đà Nẵng.

2. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển

2.1. Thí sinh thuộc diện quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh không sử dụng quyền tuyển thẳng cần nộp hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia trong thời hạn từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2016. Sau khi có kết quả thi, nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐ theo lịch tuyển sinh của Bộ. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển (phụ lục III của công văn số 981/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 3 năm 2016);

b) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (Phụ lục 2);

c) Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật.

2.2. Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Quy chế tuyển sinh cần nộp hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia trong thời hạn từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2016. Sau khi có kết quả thi, nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐ theo lịch tuyển sinh của Bộ. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển (phụ lục III của công văn số 981/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 3 năm 2016);

b) Bản sao có công chứng học bạ 3 năm THPT;

c) Giấy xác nhận hộ khẩu 3 năm trở lên ở địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

3.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của đối tượng quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, gửi về sở GD&ĐT trước ngày 20/5/2016. Hồ sơ gồm:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 3);

b) Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học trung học phổ thông;

d) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

đ) Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú;

Sở GD&ĐT gửi toàn bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng của thí sinh về Đại học Đà Nẵng trước ngày 30/5/2016, nơi nhận: Ban Đào tạo Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn - TP Đà Nẵng.

Tất cả các đối tượng trên khi trúng tuyển và về trường nhập học, phải nộp các giấy tờ qui định tại Khoản 3 Điều 14 của Quy chế tuyển sinh.

3.2. Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng (quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 7) nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Đào tạo Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn - TP Đà Nẵng theo lịch tuyển sinh của Bộ. Hồ sơ gồm:


a) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 3);

b) Bản sao hợp lệ hồ sơ bệnh án đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, có Hội đồng Y khoa của Bệnh viện cấp Quận huyện trở lên xác nhận;

IV. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

Lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và đăng ký xét tuyển thẳng là 30.000đ /thí sinh/hồ sơ (trong đó nộp cho sở giáo dục và đào tạo 20.000 đồng, nộp cho trường khi đến nhập học 10.000 đồng).

Đại học Đà Nẵng báo cáo Bộ GD&ĐT và thông báo đến các Sở GD&ĐT các Tỉnh, Thành phố quy định về tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng thuộc Đại học Đà Nẵng năm 2016.

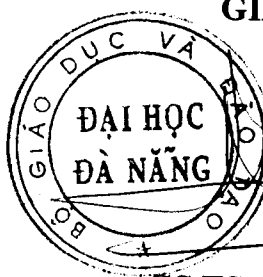
Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Trần Văn Nam

Phụ lục 1.

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016**
(Kèm theo công văn số: 1726 /ĐHĐN-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2016
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016**

1. **Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. **Nơi sinh** (Ghi xã, phường, huyện, tỉnh, thành phố):

4. **Năm hoàn thành chương trình THPT**

5. **Năm đoạt giải:**

6. **Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

7. **Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 2015 môn:**

8. **Đăng ký tuyển thẳng vào trường:**

9. **Đăng ký tuyển thẳng vào học ngành:**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

10. **Địa chỉ báo tin:**

Điện thoại (nếu có):

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2016

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2016

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016
(Kèm theo công văn số: 176 /ĐHĐN-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2016
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

1. **Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. **Nơi sinh** (Ghi rõ xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố)

.....
.....

4. **Môn đoạt giải:** **Loại giải, huy chương:**

5. **Trường đăng ký dự thi đại học:**.....

Ký hiệu

(Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu trường vào ô)

6. **Trường đăng ký ưu tiên xét tuyển:**

.....

7. **Ngành đăng ký ưu tiên xét tuyển:**

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

8. **Địa chỉ báo tin:**.....

..... **Điện thoại (nếu có):**

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2016

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2016

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3.

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016
(Kèm theo công văn số: 1726 /ĐHĐN-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2016
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2016

1. **Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. **Hộ khẩu thường trú** (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)

.....
.....

4. **Dân tộc:**

5. **Nơi học và tốt nghiệp THPT:**

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

6. **Trường đăng ký xét tuyển:**

.....

7. **Ngành đăng ký xét tuyển:**

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

8. **Địa chỉ báo tin:**

Điện thoại (nếu có):

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường đã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2016

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2016

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4.

**DANH MỤC NGÀNH ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC
ĐÀ NẴNG NĂM 2016 THEO MÔN THI THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI
(THEO DANH MỤC CỦA BỘ GD&ĐT)**

*(Kèm theo công văn số: 17/LĐ /ĐHĐN-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2016
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)*

a. Ngành đào tạo đại học

TT	Môn thi học sinh giỏi	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trường đào tạo
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	52140209	Trường Đại học Sư phạm Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum
		Toán ứng dụng (*)	52460112	Trường Đại học Sư phạm
		Thống kê	52460201	Trường Đại học Kinh tế
2	Vật lý	Sư phạm Vật lý (*)	52140211	Trường Đại học Sư phạm
		Vật lý học (*)	52440102	
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	52140212	Trường Đại học Sư phạm
		Hóa học (*)	52440112	
		Khoa học môi trường	52440301	
		Công nghệ thực phẩm	52540101	Trường Đại học Bách khoa
		Kỹ thuật hóa học (*)	52520301	
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	52140213	Trường Đại học Sư phạm
		Công nghệ sinh học (*)	52420201	Trường Đại học Sư phạm Trường Đại học Bách khoa
		Khoa học môi trường	52440301	Trường Đại học Sư phạm
		Y đa khoa	52720101	Khoa Y Dược
		Điều dưỡng	52720501	
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	52140217	Trường Đại học Sư phạm
		Việt Nam học	52220113	Trường Đại học Sư phạm
		Văn học (*)	52220330	
		Văn hóa học	52220340	
		Báo chí (*)	52320101	
6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (*)	52140218	Trường Đại học Sư phạm
		Lịch sử (*)	52220310	
7	Địa lý	Sư phạm Địa lý (*)	52140219	Trường Đại học Sư phạm
		Địa lý học (*)	52310501	
		Địa lý tự nhiên (*)	52440217	
		Quốc tế học	52220212	Trường Đại học Ngoại ngữ
		Đông phương học	52220213	
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	52140210	Trường Đại học Sư phạm
				Trường Đại học Sư phạm
		Công nghệ thông tin (*)	52480201	Trường Đại học Bách khoa Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum

9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	52140231	Trường Đại học Ngoại ngữ
		Ngôn ngữ Anh (*)	52220201	
		Quốc tế học	52220212	
		Đông phương học	52220213	
10	Tiếng Nga	Ngôn ngữ Nga (*)	52220202	
		Quốc tế học	52220212	
		Đông phương học	52220213	
11	Tiếng Trung	Sư phạm tiếng Trung Quốc(*)	52140234	
		Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	52220204	
		Quốc tế học	52220212	
		Đông phương học	52220213	
12	Tiếng Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp (*)	52140233	
		Ngôn ngữ Pháp (*)	52220203	
		Quốc tế học	52220212	
		Đông phương học	52220213	

b. Ngành đào tạo cao đẳng

TT	Môn thi Học sinh giỏi	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trường đào tạo
1	Hóa học	Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	51510401	Trường Cao đẳng Công nghệ
		Công nghệ thực phẩm	51540102	
2	Sinh học	Công nghệ sinh học (*)	51420201	
3	Tin học	Khoa học máy tính (*)	51480101	Trường CĐ Công nghệ Thông tin
		Truyền thông và mạng máy tính (*)	51480102	
		Hệ thống thông tin (*)	51480104	
		Công nghệ thông tin (*)	51480201	Trường Cao đẳng Công nghệ
		Tin học ứng dụng (*)	51480202	Trường CĐ Công nghệ Thông tin
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	51510304	Trường CĐ Công nghệ Thông tin

Ghi chú:

- Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
- Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 5.

**DANH MỤC NGÀNH MỚI ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
NĂM 2016 THEO MÔN THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI
(DO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG CÔNG BỐ NĂM 2016)**
(Kèm theo công văn số: 1716 /ĐHĐN-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2016
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

a. Ngành đào tạo đại học

TT	Môn thi học sinh giỏi	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trường đào tạo
1	Toán; Vật lý; Hóa học.	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp <i>Chuyên ngành SPKT điện - điện tử</i>	52140214	Trường Đại học Bách khoa
		Công nghệ thông tin	52480201	
		Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	52510105	
		Công nghệ chế tạo máy	52510202	
		Quản lý công nghiệp	52510601	
		Kỹ thuật cơ khí <i>Chuyên ngành Cơ khí động lực</i>	52520103	
		Kỹ thuật cơ - điện tử	52520114	
		Kỹ thuật nhiệt <i>Chuyên ngành Nhiệt điện lạnh, chuyên ngành Kỹ thuật năng lượng & môi trường</i>	52520115	
		Kỹ thuật tàu thủy	52520122	
		Kỹ thuật điện, điện tử	52520201	
		Kỹ thuật điện tử & viễn thông	52520209	
		Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	52520216	
		Kỹ thuật công trình xây dựng	52580201	
		Kỹ thuật công trình thủy	52580202	
		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	52580205	
		Kỹ thuật xây dựng <i>Chuyên ngành Tin học xây dựng</i>	52580208	
		Kinh tế xây dựng	52580301	
		Công nghệ sinh học	52420201	
		Kỹ thuật môi trường	52520320	
		Quản lý tài nguyên & môi trường	52850101	
2	Toán; Vật lý	Kỹ thuật hóa học	52520301	
3	Toán; Vật lý; Sinh học	Công nghệ thực phẩm	52540101	
4	Toán; Vật lý; Hóa học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Kinh tế	52310101	Trường Đại học Kinh tế
		Quản lý Nhà nước	52310205	
		Quản trị kinh doanh	52340101	
		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	
		Quản trị khách sạn	52340107	
		Marketing	52340115	
		Kinh doanh quốc tế	52340120	
Kinh doanh thương mại	52340121			

	Toán; Vật lý; Hóa học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Tài chính - Ngân hàng	52340201	Trường Đại học Kinh tế
		Kế toán	52340301	
		Kiểm toán	52340302	
		Quản trị nhân lực	52340404	
		Hệ thống thông tin quản lý	52340405	
		Luật	52380101	
		Luật kinh tế	52380107	
5	Vật lý; Hóa học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Thống kê	52460201	Trường Đại học Kinh tế
6	Toán	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	52580205	Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum
		Kỹ thuật điện, điện tử	52520201	

b. Ngành đào tạo cao đẳng

TT	Môn thi học sinh giỏi	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trường đào tạo
1	Toán; Vật lý; Hóa học; Tin học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Hệ thống thông tin quản lý	51340405	Trường Cao đẳng Công nghệ
		Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	51510102	
		Công nghệ kỹ thuật xây dựng	51510103	
		Công nghệ kỹ thuật giao thông	51510104	
		Công nghệ kỹ thuật cơ khí	51510201	
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	51510203	
		Công nghệ Kỹ thuật ô tô	51510205	
		Công nghệ kỹ thuật nhiệt	51510206	
		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	
		Công nghệ kỹ thuật điện tử – truyền thông	51510302	
		Quản lý xây dựng	51580302	
		Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	51510101	
2	Toán; Vật lý; Hóa học; Sinh học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Công nghệ kỹ thuật môi trường	51510406	
3	Toán; Vật lý; Hóa học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Công nghệ sinh học	51420201	
		Công nghệ Thông tin	51480201	
4	Toán; Vật lý; Sinh học; Tiếng Anh; Ngữ văn.	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	51510401	
		Công nghệ thực phẩm	51540102	
5	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học	Quản trị kinh doanh	51340101	Trường CĐ Công nghệ Thông tin
		Marketing	51340115	
		Kế toán	51340301	
6	Toán, Vật lý, Hóa học	Truyền thông và mạng máy tính	51480102	Trường CĐ Công nghệ Thông tin
		Hệ thống thông tin	51480104	
		Công nghệ thông tin	51480201	
		Tin học ứng dụng	51480202	
		Công nghệ kỹ thuật máy tính	51510304	
Khoa học máy tính	51480101			

Phụ lục 6.

**DANH MỤC NGÀNH ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
NĂM 2016 THEO LĨNH VỰC THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI
SÁNG TẠO KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC GIA**
(Kèm theo công văn số: 1726 /ĐHĐN-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2016
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

a. Ngành đào tạo đại học

TT	Lĩnh vực thi Sáng tạo KHKT 2016	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trường đào tạo	
1	Khoa học xã hội và hành vi	Tâm lý học	52310401	Trường Đại học Sur phạm	
		Công tác xã hội	52760101		
2	Vi sinh; Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin; Sinh học tế bào và phân tử	Công nghệ sinh học	52420201		
		Kỹ thuật môi trường	52440301		
3	Hóa sinh; Hóa học	Hóa học	52440112		
4	Khoa học Trái đất và Môi trường	Địa lý tự nhiên	52310501		
5	Khoa học vật liệu; Năng lượng Vật lý; Vật lý và thiên văn	Vật lý học	52440102		
6	Phần mềm hệ thống	Công nghệ thông tin	52480201		
8	Toán học	Toán ứng dụng	52460112		Trường Đại học Sur phạm
		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	52580205		Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum
		Kỹ thuật điện, điện tử	52520201		
9	Y sinh và khoa học sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử	Y đa khoa	52720101	Khoa Y Dược	
		Điều dưỡng	52720501		
10	Vi sinh; Sinh học	Công nghệ sinh học	52420201	Trường Đại học Bách khoa	
11	Hóa học	Kỹ thuật Hóa học	52520301		
12	Phần mềm tin học	Công nghệ thông tin	52480201		
13	Cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	52520103		
		Công nghệ chế tạo máy	52510202		
14	Tự động hóa	Kỹ thuật Cơ điện tử	52520114		
		Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	52520216		
15	Tài nguyên & Môi trường	Quản lý Tài nguyên & môi trường	52850101		
		Kỹ thuật Môi trường	52520320		
16	Thông tin-Điện tử-Viễn thông	Kỹ thuật Điện tử và viễn thông	52520209		
		Kỹ thuật Điện, điện tử	52520201		

b. Ngành đào tạo cao đẳng

TT	Lĩnh vực thi Sáng tạo KHKT 2016	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trường đào tạo
1	Hóa sinh; Sinh học tế bào và phân tử; Khoa học thực vật.	Công nghệ thực phẩm	51540102	Trường Cao đẳng Công nghệ
		Công nghệ sinh học	51420201	
2	Hóa học; Khoa học vật liệu; Năng lượng hóa học;	Công nghệ kỹ thuật Hóa học	51510401	
3	Khoa học trái đất và môi trường	Công nghệ kỹ thuật môi trường	51510406	
4	Hệ thống nhúng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	51510203	
5	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	51510201	
6	Rô bốt và máy thông minh; Phần mềm hệ thống	Công nghệ Thông tin	51480201	
		Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	51510203	
		Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	
7	Toán học; Phần mềm hệ thống	Quản trị kinh doanh	51340101	Trường CĐ Công nghệ Thông tin
		Marketing	51340115	
		Kế toán	51340301	
8	Hệ thống nhúng; Toán học; Rô bốt và máy thông minh; Phần mềm hệ thống.	Khoa học máy tính	51480101	Trường CĐ Công nghệ Thông tin
		Truyền thông và mạng máy tính	51480102	
		Hệ thống thông tin	51480104	
		Công nghệ thông tin	51480201	
		Tin học ứng dụng	51480202	
		Công nghệ kỹ thuật máy tính	51510304	